

Bản án số: 98 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-9-2018

V/v “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Lớn.

2/ Ông Nguyễn Công Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2018) giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Hồng Y, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: 53 P, khu phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Đặng Hoàng T, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp An Thạnh 1, xã An N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2018, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đặng Thị Hồng Y trình bày:*

Chị và anh Đặng Hoàng T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại xã An N vào ngày 21/12/2006, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chị và anh Tchung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc. Nguyên nhân, chị và anh Tchung sống không hạnh phúc là do anh Tkhông lo vợ con và xảy ra cự cãi. Chị và anh T sống ly thân hơn 01 năm. Chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh Tkhông thể tiếp tục kéo dài nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Tấn.

Chị và anh Đặng Hoàng T có 01 con chung tên: Đặng Tấn H, sinh ngày 05/9/2009. Từ khi ly thân đến nay con do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu anh Tcấp dưỡng.

Tài sản, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Anh Đặng Hoàng T được Tòa án nhân dân huyện B tổng đạt tất cả văn bản tố tụng nhưng anh T không có ý kiến gì và vắng mặt không lý do trong các phiên giải quyết của Tòa.

* Theo biên bản lấy ý kiến ngày 18 tháng 6 năm 2018 cháu Đặng Tấn H có nguyện vọng sống với chị Đặng Thị Hồng Y.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, có thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia. Hội đồng xét xử đúng như thành phần quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thể hiện vô tư, khách quan. Đối với đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị Hồng Y và anh Đặng Hoàng T có kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã An N vào ngày 21/12/2006. Trong quá trình chung sống, do điều kiện làm ăn xa ít về thăm vợ con nên tình cảm vợ chồng mờ nhạt. Chị Y và anh T có 01 con chung tên Đặng Tấn H, sinh ngày 05/9/2009. Khi ly hôn Chị Y yêu cầu nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con. Xét trình trạng hôn nhân giữa Chị Y và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Y đối với anh Tấn. Con chung: Cháu H hiện sống với Chị Y và cháu H có nguyện vọng sống với Chị Y nên Chị Y yêu cầu nuôi con là phù hợp theo Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Tài sản, nợ chung không có nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Anh Đặng Hoàng T được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh Vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Hồng Y và anh Đặng Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An N (Ba Tri – Bến Tre) vào ngày 21/12/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị Y và anh T là hợp pháp. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử,...) Tuy nhiên anh T không làm bản tự khai, không giao nộp chứng cứ và vắng mặt tham gia các buổi làm việc được Tòa triệu tập, điều đó đồng nghĩa với việc anh T tự tước đi quyền phản bác ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Chị Y. Tại Tòa Chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, qua lời trình bày của Chị Y và quá trình xác minh có cơ sở xác định giữa Chị Y và anh T đã sống ly thân hơn 01 năm. Trong cuộc sống hôn nhân, anh T không quan tâm đến Chị Y và con. Xét tình trạng hôn nhân giữa Chị Y và anh T không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Y.

[2] Về con chung: Đặng Tấn H, sinh ngày 05/9/2009. Chị Y yêu cầu nuôi cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H hiện do Chị Y nuôi dưỡng và cháu H có nguyện vọng sống với Chị Y nên việc Chị Y tiếp tục nuôi con là phù hợp theo Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Ghi nhận Chị Y tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Đặng Thị Hồng Y phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Hồng Y đối với anh Đặng Hoàng T.

2. Con chung: Chị Đặng Thị Hồng Y tiếp tục nuôi cháu Đặng Tân H, sinh ngày 05/9/2009. Ghi nhận Chị Y tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Hoàng T có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Đặng Thị Hồng Y phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0016085 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị Y đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở UBND xã nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã An N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

